

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU KÈ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/HS-ST
Ngày: 19-7-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Trúc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thạch Quone.
2. Ông Nguyễn Văn Xem.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Hòa Xuân, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè tham gia phiên tòa:
Ông Kim Hua - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2019/TLST-HS ngày 24 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo: Lâm Văn C, sinh ngày 01/01/1993 tại huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Làm thuê Trình độ văn hóa: 03/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lâm Văn Chắt (đã chết) và bà Nguyễn Thị Danh, sinh năm 1950; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Ngày 24/5/2019, bị Cơ quan điều tra Công an huyện Cầu Kè ra Quyết định khởi tố bị can và Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. (có mặt).

Người bị hại: Bà Cao Thị S, sinh năm 1956 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh

Người làm chứng:

1. Anh Huỳnh Giang E (tên gọi khác Nhí), sinh năm 1995 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1950 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

3. Chị Đặng Thị D, sinh năm 1970 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

4. Bà Đặng Thị S, sinh năm 1941 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ 30 phút ngày 19/5/2019 bị cáo Lâm Văn C cùng mẹ ruột tên Nguyễn Thị D, chị tên Đặng Thị D (*chị cùng mẹ khác cha*), , cháu tên Huỳnh Giang E và Diệp Đăng K cùng cư trú tại ấp C, xã H, huyện C đi dự đám giỗ tại nhà bà Đặng Thị S ở ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Sau khi ăn uống xong, bị cáo nằm nghỉ ở trên giường đặt phía trước hàng ba nhà bà Sâm. Trong lúc nằm nghỉ tại đây thì bị cáo phát hiện có 01 nón bảo hiểm đang để úp ở trên giường cạnh nơi bị cáo đang nằm nên bị cáo kéo nón bảo hiểm lại để kê đầu làm gối nằm. Khi kéo nón bảo hiểm thì bị cáo phát hiện điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A20 (32G) của bà Cao Thị S để phía dưới nón bảo hiểm, thấy điện thoại còn mới nên bị cáo C nảy sinh ý định trộm cắp để sử dụng. Để thực hiện cho ý định, hành vi của mình bị cáo C nằm gối đầu lên nón bảo hiểm có điện thoại của bà Cao Thị S ở phía dưới để chờ khi không có ai chú ý thì sẽ trộm cắp điện thoại nói trên. Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày thì bà D kêu bị cáo ra về, lợi dụng lúc này bị cáo C ngồi dậy thấy không ai để ý nên bị cáo liền lấy điện thoại di động phía dưới nón bảo hiểm bỏ vào trong nếp gấp của ống quần Jean mà bị cáo đang mặc (ống quần đã được xắn lên sẵn) và điều khiển xe mô tô chở bà Danh và cháu Khoa về nhà. Khi về đến nhà, bị cáo C đi ra phía sau lấy điện thoại ra để tắt nguồn và cất giấu vào trong bó lá dừa khô để ở nhà cũi cạnh nhà sau của gia đình bị cáo. Sau đó, bị cáo cùng với Huỳnh Giang E đi làm thuê đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày thì trở về nhà. Sau đó, bị cáo C đi chuyển dừa thuê cho bà Diêu Mỹ H tại khóm 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh bằng xe tải từ huyện Cầu Kè đến tỉnh Bình Dương. Quá trình đi trên xe ô tô tải thì bị cáo C có mang theo điện thoại trộm được để sử dụng. Đến khoảng 00 giờ 10 phút ngày 21/5/2019 thì bị cáo C trở về nhà mang điện thoại trộm được ra để tắt nguồn và cất giấu tại địa điểm mà bị cáo C đã cất giấu trước đó. Đến ngày 21/5/2019 thì lực lượng Công an huyện Cầu Kè tiến hành mời bị cáo C làm việc. Quá trình làm việc bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Ngày 24/5/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Cầu Kè có Bản kết luận định giá tài sản số 09/BKL-HĐĐG xác định giá trị tài sản tại thời điểm bị mất trộm là 3.980.500 đồng

Vật chứng vụ án: 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A20 (32G) màu xanh, sau khi thu giữ Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ghi nhận đặc điểm, xác minh nguồn gốc, giá trị ban đầu để tiến hành yêu cầu định giá tài sản làm căn cứ

giải quyết vụ việc. Xét thấy việc trao trả tài sản không ảnh hưởng đến hoạt động điều tra nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là bà Cao Thị S quản lý theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại sau khi được nhận lại tài sản không có yêu cầu bị cáo phải khắc phục, bồi thường gì thêm.

Tại Cáo trạng số 24/CT-VKS-HS ngày 24/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh đã truy tố bị cáo Lâm Văn C về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa bị cáo Lâm Văn C đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng thể hiện là đúng, bị cáo không bổ sung hay khiêu nại về nội dung Cáo trạng.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích các chứng cứ buộc tội bị cáo, phân tích các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, vị đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên cáo trạng đã truy tố và đề nghị: áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 36, điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lâm Văn C từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Lâm Văn C.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu bị cáo phải khắc phục, bồi thường gì thêm nên không xem xét.

Về vật chứng vụ án: 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A20 (32G) màu xanh, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trao trả cho chủ sở hữu là bà Cao Thị S quản lý theo quy định nên không xem xét

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2014/UBTVQH14 về án phí lệ phí Tòa án, buộc bị cáo nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Lâm Văn C bị cáo không có ý kiến tranh luận gì thêm.

Bị cáo Lâm Văn C nói lời sau cùng: Bị cáo cảm thấy ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Qua xem xét toàn bộ hồ sơ vụ án thấy rằng trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiêu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định

tổ tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án và tội danh:

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời trình bày của người bị hại, người làm chứng và phù hợp với những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, do đó đủ căn cứ kết luận: Vào ngày 19/5/2019 tại nhà bà Đặng Thị S, bị cáo Lâm Văn C có hành vi lấy trộm của bà Cao Thị S một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A20 (32GB). Tại bản kết luận số 09/BKL-HDDG ngày 24/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Cầu Kè, xác định giá trị tài sản bị thiệt hại là 3.980.500 đồng. Hội đồng xét xử xác định hành vi của bị cáo Lâm Văn C đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Xét thấy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh truy tố bị cáo Lâm Văn C về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đảm bảo đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ đối với hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, hành vi của bị cáo còn tác động xấu đến tình hình trật tự, trị an ở địa phương. Bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có đầy đủ sức khỏe, bị cáo phải nhận thức được hành vi lén lút lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng do ý thức xem thường pháp luật nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi dẫn đến phạm tội. Vì vậy, để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, để giáo dục bị cáo biết tôn trọng pháp luật và tôn trọng tài sản của người khác, để bị cáo có điều kiện học tập và cải tạo thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Đồng thời cũng nhằm mục đích răn đe, phòng chống tội phạm cho toàn xã hội.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử thì bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo có nhân thân tốt thể hiện việc bị cáo không có tiền án, tiền sự; Bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Ngoài ra người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và bị cáo có người thân là người có công với nước. Từ những tình tiết nêu trên Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự và bản thân bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Mặt khác, xét thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc phạt bị cáo cải tạo không giam giữ không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên không cần thiết phải cách ly xã hội đối với bị cáo, mà áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự phạt bị cáo Lâm Văn C cải tạo không giam giữ; giao bị cáo C cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh giám sát, giáo dục là thỏa đáng với mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo.

Do bị cáo Lâm Văn C không có nghề nghiệp ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên HĐXX không xem xét.

[7] Về vật chứng vụ án: 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A20 (32G) màu xanh, xét thấy việc Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trao trả cho chủ sở hữu là bà Cao Thị S quản lý theo quy định nên HĐXX không xem xét

[8] Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lâm Văn C phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

[10] Bị cáo; bị hại, được kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Bị cáo Lâm Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lâm Văn C 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

Giao bị cáo Lâm Văn C cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo Lâm Văn C có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Lâm Văn C.

Về trách nhiệm dân sự: không xem xét.

Về xử lý vật chứng: không xem xét.

Về án phí: Buộc bị cáo Lâm Văn C nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- Công an huyện Cầu Kè;
- CCTHADS huyện Cầu Kè;
- Bị cáo;
- UBND xã H;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Trúc Linh